HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ

NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN VÀ

NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ

ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA,

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

Đã thỏa thuận dưới đây:

ĐIỀU 1

PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

ĐIỀU 2

CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1/ Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó, đánh vào thu nhập bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2/ Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập, bao gồm cả các khoản thuế đối với lợi nhuận từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản cũng như các loại thuế đánh trên phần trị giá tài sản tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3/ Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

a. tại Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam:

(i) thuế thu nhập cá nhân;
(ii) thuế lợi tức;
(iii) thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;

(dưới đây được gọi là "thuế Việt nam");

b. tại Cộng hòa Nhân dân Trung hoa:

(i) thuế thu nhập cá nhân;
(ii) thuế thu nhập đối với các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các xí nghiệp nước ngoài;
(iii) thuế thu nhập địa phương;

(dưới đây được gọi là "thuế Trung quốc").

4/ Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như các loại thuế trên được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau biết những thay đổi quan trọng trong luật thuế của từng Nước.

ĐIỀU 3

CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

a. từ "Việt nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, từ này có nghĩa là toàn bộ lãnh thổ của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam, kể cả lãnh hải Việt nam mà ở đó các luật của Việt nam liên quan đến thuế được áp dụng, và mọi vùng ở ngoài lãnh hải Việt nam mà tại đó Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên của đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên phù hợp với luật pháp quốc tế;

b. từ "Trung quốc" có nghĩa là nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa; khi dùng theo nghĩa địa lý, từ này có nghĩa là toàn bộ lãnh thổ của Cộng hòa Nhân dân Trung hoa, kể cả lãnh hải Trung quốc mà ở đó các luật của Trung quốc liên quan đến thuế được áp dụng, và mọi vùng ở ngoài lãnh hải Trung quốc mà tại đó Cộng hòa Nhân dân Trung hoa có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên của đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên phù hợp với luật pháp quốc tế;

c. thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt nam hay Trung quốc tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;

d. từ "thuế" có nghĩa là thuế Việt nam hay thuế Trung quốc tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;

e. thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty hay bất kỳ tổ chức nhiều đối tượng nào khác;

f. thuật ngữ "công ty" để chỉ các tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

g. thuật ngữ "xí nghiệp của Nước ký kết" và "xí nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

h. thuật ngữ "các đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa:

(i) mọi cá nhân mang quốc tịch của một Nước ký kết; hoặc

(ii) mọi pháp nhân, tổ chức hùn vốn và hiệp hội có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết;

i. thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất cứ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay được thực hiện bởi một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia; và

j. thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa:

(i) trong trường hợp đối với Việt nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính; và

(ii) trong trường hợp đối với Trung quốc, là Tổng Cục quản lý thuế Nhà nước hoặc đại diện được ủy quyền của Tổng Cục quản lý thuế Nhà nước.

2/ Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này, mọi thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

ĐIỀU 4

ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở đăng ký, trụ sở chính hoặc bất kỳ tiêu chuẩn khác có tính chất tương tự.

2/ Trường hợp theo những quy định tại khoản 1, khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a. cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú. Nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước ký kết cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

b. nếu như không thể xác định được Nước nơi cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước ký kết, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà cá nhân đó thường sống;

c. nếu cá nhân đó thường sống ở cả hai Nước ký kết hay không sống thường xuyên ở Nước nào, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà cá nhân đó mang quốc tịch;

d. nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước ký kết hay không mang quốc tịch của Nước nào, các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3/ Trường hợp do những quy định tại khoản 1 khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, khi đó, nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ xác định đối tượng đó là đối tượng cư trú của một Nước ký kết theo nghĩa của Hiệp định này bằng thỏa thuận chung.

ĐIỀU 5

CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó xí nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

a. trụ sở điều hành;

b. chi nhánh;

c. văn phòng;

d. nhà máy;

e. xưởng;

f. mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác.

3/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

a. địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hay các hoạt động giám sát liên quan đến các công trình, địa điểm trên, nhưng chỉ khi địa điểm, công trình hay các hoạt động đó kéo dài trong giai đoạn trên sáu tháng;

b. việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn do một xí nghiệp của một Nước ký kết thực hiện thông qua các nhân viên hay cá nhân khác được xí nghiệp giao thực hiện tại Nước ký kết kia, với điều kiện các hoạt động nêu trên kéo dài (trong cùng một dự án hay một dự án liên quan) trong một giai đoạn hay nhiều giai đoạn gộp lại hơn 6 tháng trong khoảng thời gian 12 tháng.

4/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

a. việc sử dụng các phương tiện chỉ với mục đích lưu kho, trưng bày hoặc giao hàng hóa hay tài sản của xí nghiệp;

b. việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích lưu kho, trưng bày hoặc giao hàng;

c. việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích để cho xí nghiệp khác gia công;

d. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ nhằm mục đích mua hàng hóa hoặc tài sản hay để thu thập thông tin cho xí nghiệp;

e. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho xí nghiệp.

5/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một xí nghiệp của Nước ký kết kia, có và thường xuyên thực hiện tại Nước đó thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên xí nghiệp, xí nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết thứ nhất đối với các hoạt động mà đối tượng này thực hiện cho xí nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng này chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động đã nêu tại khoản 4 mà nếu được thực hiện thông qua một cơ sở kinh doanh cố định, sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định này trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định của khoản đó.

6/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, một tổ chức bảo hiểm của một Nước ký kết, trừ trường hợp đối với tái bảo hiểm, sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu tổ chức đó thu phí bảo hiểm trên lãnh thổ của Nước ký kết kia hay bảo hiểm các rủi ro tại Nước kia thông qua một đối tượng không phải là một đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7.

7/ Một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ không được coi là có cơ sở thường trú ở Nước ký kết kia nếu xí nghiệp đó chỉ thực hiện kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này chỉ hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó được giành toàn bộ hay hầu như toàn bộ cho hoạt động đại diện cho xí nghiệp đó, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

8/ Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc đang tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác) sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

lệ phí hay các khoản thanh toán tương tự để được sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hay trả cho công việc quản lý hay dưới hình thức lãi tính trên tiền cho trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của xí nghiệp vay, trừ trường hợp lãi của tổ chức ngân hàng.

4/ Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi tức được phân bổ cho một cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi tức của xí nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi tức chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ trên. Tuy nhiên, phương pháp phân chia được chấp nhận sẽ phải có kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.

5/ Không có khoản lợi tức nào được phân bổ cho một cơ sở thường trú nếu cơ sở thường trú đó chỉ đơn thuần mua hàng hóa hoặc tài sản cho xí nghiệp.

6/ Theo nội dung các khoản trên, các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

7/ Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

ĐIỀU 6

THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1/ Thu nhập mà một đối tượng cư trú tại một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) nằm tại Nước ký kết kia thì có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2/ Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có tài sản. Trong mọi trường hợp thuật ngữ sẽ bao gồm cả tài sản đi liền với bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền áp dụng theo các quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán thay đổi hay cố định trả cho việc khai thác hay quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy, thuyền và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3/ Những quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một xí nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

ĐIỀU 7

LỢI TỨC DOANH NGHIỆP

1/ Lợi tức của một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó, trừ trường hợp xí nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu xí nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của xí nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia, nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú đó.

2/ Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một xí nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu nó là một xí nghiệp riêng, tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hay tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với xí nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3/ Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho hoạt động của cơ sở thường trú này bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào chi phí được trừ bất kỳ khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ các khoản thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của xí nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản lệ phí hay bất kỳ khoản thanh toán nào tương tự để sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hay trả cho công việc quản lý hay dưới hình thức lãi tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp tiền lãi của tổ chức ngân hàng. Cũng tương tự, trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ các khoản thanh toán các chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của xí nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản

ĐIỀU 8

VẬN TẢI BIỂN VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

1/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2/ Những quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế.

ĐIỀU 9

NHỮNG XÍ NGHIỆP LIÊN KẾT

1/ Khi:

a. một xí nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

b. các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết và vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai xí nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các xí nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một xí nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà xí nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của xí nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2/ Khi một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của một xí nghiệp của Nước đó - và đánh thuế tương ứng - các khoản lợi tức mà một xí nghiệp của Nước ký kết kia đã bị đánh thuế tại Nước ký kết kia và các khoản lợi tức được tính vào như vậy là những khoản lợi tức lẽ ra thuộc về xí nghiệp của Nước ký kết thứ nhất nếu như những điều kiện đặt ra giữa hai xí nghiệp trên là những điều kiện lập ra giữa hai xí nghiệp độc lập, khi đó Nước ký kết kia sẽ điều chỉnh các khoản thuế đánh tại Nước mình đối với những khoản lợi tức trên cho phù hợp. Trong khi xác định sự điều chỉnh trên sẽ xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này và, nếu cần thiết, các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ tham khảo ý kiến của nhau.

ĐIỀU 10

TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1/ Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước ký kết đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 10% tổng số tiền lãi cổ phần.

Khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với khoản lợi tức dùng để chia lãi cổ phần.

3/ Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, hoặc các quyền lợi khác, không kể các khoản nợ, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo luật của Nước ký kết nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền nắm giữ cổ phần nhờ đó được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp này các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có lợi tức hay thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước ký kết kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hay một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước ký kết kia.

ĐIỀU 11

LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1/ Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2/ Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước ký kết đó nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng hưởng các khoản tiền lãi này thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm của tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3/ Mặc dù đã có những quy định tại khoản 2, lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho Chính phủ của Nước ký kết kia sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất.

Theo nội dung của khoản này từ "Chính phủ":

a. trong trường hợp đối với Việt nam, có nghĩa là Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam và sẽ gồm cả:

(i) các Ngân hàng Nhà nước của Việt nam;

(ii) các cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương; và

(iii) các tổ chức tài chính như vậy mà toàn bộ vốn của các tổ chức này thuộc sở hữu của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó, được các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết thỏa thuận trong từng thời kỳ;

b. trong trường hợp đối với Trung quốc, có nghĩa là Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa và sẽ gồm cả:

(i) các ngân hàng Nhà nước Trung quốc;

(ii) các cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương; và

(iii) các tổ chức tài chính như vậy mà toàn bộ vốn của các tổ chức này thuộc sở hữu của Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Trung quốc, được các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết thỏa thuận trong từng thời kỳ.

4/ Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường đó. Tiền phạt thanh toán chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo nội dung của Điều này.

5/ Những quy định tại khoản 1, 2 và 3 sẽ không áp dụng nếu người thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia hoặc thực hiện tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6/ Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả là Chính phủ của Nước ký kết đó, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương, hoặc đối tượng cư trú của Nước ký kết đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước ký kết nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

7/ Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay, liên quan đến khoản cho vay có số tiền lãi được trả vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ vẫn bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 12

TIỀN BẢN QUYỀN

1/ Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở tại Nước ký kết kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo các luật của Nước ký kết đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền bản quyền thì mức thuế được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

3/ Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học, kể cả phim điện ảnh hoặc các loại phim hay các loại băng dùng trong phát thanh và truyền hình, bằng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hay trả cho việc sử dụng, hay quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hay trả cho thông tin liên quan đến kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh ở Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hay tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này các quy định của Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền là Chính phủ của Nước ký kết đó, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc là đối tượng cư trú của Nước ký kết đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ được coi là phát sinh ở Nước ký kết nơi có cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

6/ Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền, liên quan đến việc sử dụng, quyền hay thông tin có số tiền bản quyền được trả, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ vẫn bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 13

LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và bất động sản đó nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2/ Lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một xí nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ xí nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

3/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng các tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế hay từ chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của các tàu thủy hoặc máy bay đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

4/ Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần trong vốn cổ phần của công ty có tài sản bao gồm, trực tiếp hoặc gián tiếp, chủ yếu là bất động sản nằm tại một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

5/ Lợi tức từ việc chuyển nhượng các cổ phần khác với cổ phần nêu tại khoản 4 và cổ phần đó chiếm tối thiểu 25 phần trăm vốn đóng góp trong một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

6/ Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản nêu tại các khoản từ 1 đến 5 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

ĐIỀU 14

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1/ Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó trừ các trường hợp sau đây thu nhập đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:

a. nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định nhằm mục đích thực hiện các hoạt động này; trong những trường hợp đó chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia; hay

b. nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hay nhiều khoảng thời gian gộp lại từ 183 ngày trở lên trong năm dương lịch liên quan; trong trường hợp đó chỉ phần thu nhập thu được từ các hoạt động của đối tượng này được thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2/ Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy mang tính chất độc lập cũng như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

ĐIỀU 15

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1/ Thể theo các quy định tại Điều 16, 18, 19 , 20 và 21 các khoản tiền lương, tiền công, và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết thứ nhất nếu:

a. người nhận tiền công có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong năm dương lịch liên quan; và

b. chủ lao động hay đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước ký kết kia; và

c. số tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà đối tượng chủ lao động có tại Nước ký kết kia.

3/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công từ lao động làm trên tàu thủy hoặc máy bay do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

ĐIỀU 16

THÙ LAO CHO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết kia.

ĐIỀU 17

NGHỆ SĨ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1/ Mặc dù có những quy định tại Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, phát thanh hay truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên, từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết kia.

2/ Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù có những quy định tại các Điều 7, 14 và 15.

3/ Mặc dù đã có các quy định tại khoản 1 và 2, thu nhập do các nghệ sỹ hoặc vận động viên là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động trình diễn tại Nước ký kết kia theo một chương trình trao đổi văn hóa giữa hai Chính phủ của cả hai Nước ký kết sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết kia.

ĐIỀU 18

TIỀN LƯƠNG HƯU

1/ Thể theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản tiền công tương tự khác được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2/ Mặc dù đã có các quy định tại khoản 1, tiền lương hưu và các khoản tiền tương tự khác được Chính phủ một Nước ký kết, cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó trả theo chương trình phúc lợi công cộng thuộc hệ thống bảo hiểm xã hội của Nước ký kết đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

ĐIỀU 19

PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1/a. Tiền công lao động, trừ tiền lương hưu, do Chính phủ của một Nước ký kết hoặc một cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước ký kết đó trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Chính phủ của Nước ký kết đó hoặc chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó trong quá trình thực hiện các chức năng có tính chất Chính phủ sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

b. Tuy nhiên, khoản tiền công lao động này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước ký kết kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia; hoặc

(ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước ký kết kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2/a. Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do Chính phủ của một Nước ký kết, một cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Chính phủ của Nước ký kết đó hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương tại Nước ký kết đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết đó.

b. Tuy nhiên, những khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú và là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia.

3/ Các quy định của các Điều 15, 16, 17 và 18 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền công lao động và lương hưu đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi Chính phủ của một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

ĐIỀU 20

SINH VIÊN, HỌC SINH HỌC NGHỀ VÀ THỰC TẬP SINH

Một sinh viên, thực tập sinh hay người học nghề đang hoặc ngay trước khi đến một Nước ký kết đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và là người hiện có mặt tại Nước ký kết thứ nhất chỉ với mục đích là học tập hay đào tạo sẽ được miễn thuế tại Nước thứ nhất đối với các khoản tiền dưới đây hay thu nhập thu được hay nhận được để trang trải chi phí sinh hoạt, giáo dục hay đào tạo của người sinh viên, thực tập sinh hay người học nghề đó:

a. các khoản tiền thu được từ các nguồn ngoài Nước ký kết đó để trang trải chi phí sinh hoạt, giáo dục, học tập, nghiên cứu hay đào tạo;

b. tiền trợ cấp, học bổng hoặc giải thưởng do Chính phủ hoặc tổ chức khoa học, giáo dục, văn hóa hay tổ chức được miễn thuế khác chi trả; và

c. bất kỳ khoản tiền nào không vượt quá 2000 đô la Mỹ hoặc số tương đương bằng đồng Việt nam hoặc số tương đương bằng nhân dân tệ Trung quốc cho 1 năm dương lịch đối với các công việc dịch vụ cá nhân liên quan đến việc học tập hay đào tạo của sinh viên, thực tập sinh hay người học nghề đó.

ĐIỀU 21

GIÁO VIÊN, GIÁO SƯ VÀ NHÀ NGHIÊN CỨU

Một cá nhân, người đang hoặc ngay trước khi sang một Nước ký kết đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước ký kết thứ nhất chủ yếu vì mục đích giảng dạy, thuyết trình hay tiến hành nghiên cứu tại một trường đại học, cao đẳng, trường phổ thông hay cơ sở giáo dục hay cơ sở nghiên cứu khoa học do Chính phủ của Nước ký kết thứ nhất chỉ định sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất đối với khoản tiền công trả cho việc giảng dạy, thuyết trình hoặc nghiên cứu đó trong thời hạn 2 năm kể từ ngày đầu tiên đến Nước ký kết thứ nhất.

ĐIỀU 22

THU NHẬP KHÁC

1/ Những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2/ Tuy nhiên, bất kỳ khoản thu nhập nào như vậy do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các nguồn tại Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

3/ Những quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận thu nhập là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hay thực hiện tại Nước ký kết kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền lợi hay tài sản liên quan đến số thu nhập được chi trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

ĐIỀU 23

CÁC BIỆN PHÁP XÓA BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1/ Tại Việt nam, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

Khi một đối tượng cư trú của Việt nam có thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản mà theo luật của Trung quốc và phù hợp với Hiệp định này có thể bị đánh thuế tại Trung quốc, Việt nam sẽ cho phép khấu trừ vào số thuế của Việt nam tính trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản đó một khoản tiền tương đương số thuế đã nộp tại Trung quốc. Tuy nhiên, số thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá số thuế Việt nam tính trên thu nhập lợi tức hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản đó được tính phù hợp với các luật và quy định về thuế của Việt nam.

2/ Tại Trung quốc, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

a. Khi một đối tượng cư trú của Trung quốc nhận được thu nhập từ Việt nam, số thuế tính trên thu nhập đó phải nộp tại Việt nam phù hợp với các quy định của Hiệp định này, có thể được khấu trừ vào số thuế của Trung quốc đánh vào đối tượng cư trú đó. Tuy nhiên, số thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá số thuế Trung quốc tính trên thu nhập đó phù hợp với các luật và quy định về thuế của Trung quốc;

b. Khi thu nhập phát sinh từ Việt nam là tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của Việt nam trả cho một công ty là đối tượng cư trú của Trung quốc và công ty này sở hữu không dưới 10 phần trăm cổ phần của công ty trả tiền lãi cổ phần, việc khấu trừ thuế sẽ tính đến số thuế do công ty trả tiền lãi cổ phần đã nộp tại Việt nam đối với thu nhập của công ty đó.

3/ Theo nội dung của khoản 1 và 2, số thuế phải nộp tại Việt nam hay Trung quốc, tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi, sẽ được coi là gồm cả số thuế lẽ ra phải nộp tại một Nước ký kết nhưng được Nước ký kết đó giảm hoặc miễn theo các quy định của luật pháp Nước ký kết đó để phát triển kinh tế. Trong trường hợp các quy định của khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11 và khoản 2 Điều 12, khoản thuế đó sẽ được coi là 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần, lãi từ tiền cho vay và tiền bản quyền.

ĐIỀU 24

KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1/ Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau.

2/ Hình thức thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một xí nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn thuế áp dụng đối với các xí nghiệp của Nước ký kết kia cùng thực hiện những hoạt động tương tự. Quy định này sẽ không được giải thích là buộc một Nước ký kết cho phép các đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng bất kỳ khoản miễn thu cá nhân, khoản miễn thuế và giảm thuế mà Nước đó dành riêng cho các đối tượng cư trú của Nước mình trong quá trình tính thuế trên cơ sở tư cách dân sự và các nghĩa vụ gia đình.

3/ Trừ trường hợp áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 7 Điều 11 hay khoản 6 Điều 12, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và các khoản thanh toán khác do một xí nghiệp của một Nước ký kết trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, khi xác định các khoản lợi tức chịu thuế của xí nghiệp đó sẽ được trừ vào chi phí theo cùng các điều kiện nếu như các khoản tiền đó được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết thứ nhất.

4/ Các xí nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hay một phần vốn do một hay nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia kiểm soát hay sở hữu trực tiếp hay gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước ký kết thứ nhất bất kỳ hình thức thuế hay yêu cầu liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và những yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể được áp dụng cho các xí nghiệp tương tự khác của Nước ký kết thứ nhất.

5/ Mặc dù đã có các quy định từ khoản 1 đến khoản 4 của Điều này, khi một Nước ký kết áp dụng bất kỳ hình thức thuế nào cho các đối tượng mang quốc tịch của mình khác với hình thức thuế mà Nước đó áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia với mục đích khuyến khích phát triển kinh tế phù hợp với các luật thuế của Nước ký kết đó, việc áp dụng hình thức thuế như vậy sẽ không được hiểu là phân biệt đối xử theo nghĩa của Điều này.

6/ Những quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các loại thuế là đối tượng chịu sự điều chỉnh của Hiệp định này.

ĐIỀU 25

THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG

1/ Trường hợp một đối tượng nhận thấy rằng việc giải quyết của một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng theo những quy định của Hiệp định này, lúc đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó đang cư trú hay của Nước ký kết nơi đối tượng đó mang quốc tịch nếu trường hợp của đối tượng đó thuộc khoản 1 Điều 24, mặc dù trong các luật trong nước của hai Nước ký kết đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định.

2/ Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Bất kỳ thỏa thuận nào đã đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào giới hạn thời gian ghi trong luật trong nước của hai Nước ký kết.

3/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hay vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hay áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể trực tiếp thông báo cho nhau với mục đích nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của khoản 2 và 3. Khi thấy cần thiết phải đạt được thỏa thuận, các đại diện của các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể gặp nhau để đối thoại trao đổi quan điểm.

ĐIỀU 26

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện những quy định của Hiệp định này hay các luật trong nước của hai Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này đặc biệt nhằm ngăn chặn việc vi phạm hoặc trốn lậu các loại thuế trên. Việc trao đổi thông tin sẽ không bị giới hạn bởi Điều 1. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo các luật trong nước của Nước ký kết đó. Tuy nhiên, nếu thông tin đó ban đầu được coi là bí mật tại Nước gửi thông tin thì thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hay các cơ quan chức trách (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán, thu, cưỡng chế hay truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hay trong các quyết định của tòa án.

2/ Không có trường hợp nào những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:

a. thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

b. cung cấp những thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hay theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

c. cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mậu dịch, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước.

ĐIỀU 27

CÁC VIÊN CHỨC NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ

Không nội dung nào trong Hiệp định này sẽ ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế của các viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự theo những nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hay những quy định trong các hiệp định đặc biệt.

ĐIỀU 28

HIỆU LỰC

Từng Nước ký kết sẽ thông báo cho Nước ký kết kia bằng văn bản thông qua đường ngoại giao về việc hoàn thành các thủ tục trong nước cần thiết được áp dụng theo luật tại Nước ký kết đó để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thông báo sau cùng. Hiệp định này sẽ được áp dụng đối với thu nhập phát sinh trong các năm tính thuế bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực.

ĐIỀU 29

KẾT THÚC

Hiệp định này sẽ có hiệu lực cho đến khi một Nước ký kết tuyên bố kết thúc. Từng Nước ký kết có thể, vào hoặc trước ngày 30 tháng 6 của bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, gửi văn bản kết thúc tới Nước ký kết kia thông qua đường ngoại giao. Trong trường hợp như vậy, Hiệp định này sẽ hết hiệu lực thi hành đối với thu nhập phát sinh trong các năm tính thuế bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp theo năm gửi thông báo kết thúc.

Để làm bằng những người được ủy quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định làm thành hai bộ tại Bắc Kinh ngày 17 tháng 5 năm một nghìn chín trăm chín mươi năm, mỗi bộ gồm các thứ tiếng Việt, tiếng Trung và tiếng Anh, cả ba văn bản đều có giá trị ngang nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định./.

TM.CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

TM.CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA

NGHỊ ĐỊNH THƯ

Tại thời điểm ký Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thuế đánh vào thu nhập (dưới đây được gọi là "Hiệp định"), cả hai phía đã nhất trí rằng các qui định dưới đây sẽ là bộ phận hợp thành của Hiệp định:

1/ Liên quan đến Điều 8 của Hiệp định, không nội dung nào của Hiệp định này ảnh hưởng tới việc áp dụng các quy định của Hiệp định Vận tải Hàng không Dân dụng và Hiệp định Vận tải Hàng hải được hai Chính phủ ký ngày 8 tháng 3 năm 1992 tại Bắc kinh.

2/ Hai bên đã thống nhất rằng, theo luật thuế Việt nam, trong thời gian Việt nam chưa đánh thuế trên tiền lãi cổ phần, thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài hiện được áp dụng tại Việt nam sẽ được coi là thuế đánh trên "tiền lãi cổ phần" được nêu tại khoản 3 Điều 10 của Hiệp định.

Để làm bằng những người được ủy quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Nghị định thư này.

Nghị định thư làm thành hai bộ tại Bắc.Kinh.....ngày 17..... tháng...5.....năm một nghìn chín trăm chín mươi năm, mỗi bộ gồm các thứ tiếng Việt, tiếng Trung và tiếng Anh, cả ba văn bản đều có giá trị ngang nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định./.

TM.CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

TM.CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA

Thưa Ngài,

Tôi xin hân hạnh được đề cập đến Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa và Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thuế đánh vào thu nhập được ký ngày hôm nay (dưới đây được gọi là "Hiệp định") và thay mặt cho Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa xin khẳng định rằng điều kiện dưới đây đã được hai Chính phủ nhất trí:

> Cả hai phía đồng ý rằng giới hạn thời gian để xác định cơ sở thường trú quy định tại điểm (a) và (b) khoản 3 Điều 5 của Hiệp định này sẽ lập tức được sửa đổi theo một thời gian dài hơn nếu sau này Việt nam sửa đổi chính sách đàm phán Hiệp định thuế của mình hoặc Việt nam đi đến thỏa thuận về bất kỳ khoảng thời gian nào lâu hơn để xác định cơ sở thường trú trong các quy định của Hiệp định với bất kỳ Nước nào khác.

Tôi hân hạnh đề nghị quý Ngài thay mặt Chính phủ của Ngài chấp nhận nội dung trên.

Nhân dịp này tôi xin gửi tới quý Ngài lời chào trân trọng nhất.

Thư được làm thành hai bộ tại Bắc kinh ngày 17 tháng 5 năm một nghìn chín trăm chín mươi năm, mỗi bộ gồm các thứ tiếng Trung, tiếng Việt và tiếng Anh, cả ba văn bản đều có giá trị ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích, bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định./.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

錢其琛

Thưa Ngài,

Tôi xin hân hạnh xác nhận đã nhận được bức thư của Ngài đề ngày hôm nay với nội dung như sau:

"Thưa Ngài,

Tôi xin hân hạnh được đề cập đến Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung hoa và Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thuế đánh vào thu nhập được ký ngày hôm nay (dưới đây được gọi là "Hiệp định") và thay mặt cho Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung hoa xin khẳng định rằng điều kiện dưới đây đã được hai Chính phủ nhất trí:

Cả hai phía đồng ý rằng giới hạn thời gian để xác định cơ sở thường trú quy định tại điểm (a) và (b) khoản 3 Điều 5 của Hiệp định này sẽ lập tức được sửa đổi theo một thời gian dài hơn nếu sau đây Việt nam sửa đổi chính sách đàm phán Hiệp định thuế của mình hoặc Việt nam đi đến thỏa thuận về bất kỳ khoảng thời gian nào dài hơn để xác định cơ sở thường trú trong các quy định của Hiệp định với bất kỳ Nước nào khác.

Tôi hân hạnh đề nghị quý Ngài thay mặt Chính phủ của Ngài chấp nhận nội dung trên.

Nhân dịp này tôi xin gửi tới quý Ngài lời chào trân trọng nhất.

Thư được làm thành hai bộ tại Bắc.kinh... ngày 17.... tháng ..5.... năm một nghìn chín trăm chín mươi năm, mỗi bộ gồm các thứ tiếng Trung, tiếng Việt và tiếng Anh, cả ba văn bản đều có giá trị ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích, bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định."

Thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam tôi xin chấp nhận nội dung bao hàm trong bức thư của quý Ngài.

Nhân dịp này tôi xin gửi tới quý Ngài lời chào trân trọng nhất.

Thư được làm thành hai bộ tại Bắc Kinh..... ngày 17.... tháng ..5.... năm một nghìn chín trăm chín mươi năm, mỗi bộ gồm các thứ tiếng Việt, tiếng Trung và tiếng Anh, cả ba văn bản đều có giá trị ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích, bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA

FOR

THE AVOIDANCE OF DOUBLE TAXATION

AND

THE PREVENTION OF FISCAL EVASION

WITH RESPECT TO TAXES

ON INCOME

The Government of the Socialist Republic of Vietnam

and

the Government of the People's Republic of China,

Desiring to conclude an Agreement for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income,

Have agreed as follows:

ARTICLE 1

Personal Scope

This Agreement shall apply to persons who are residents of one or both of the Contracting States.

ARTICLE 2

Taxes Covered

1. This Agreement shall apply to taxes on income imposed on behalf of a Contracting State or of its political subdivisions or local authorities, irrespective of the manner in which they are levied.

2. There shall be regarded as taxes on income all taxes imposed on total income, or on elements of income, including taxes on gains from the alienation of movable or immovable property, as well as taxes on capital appreciation.

3. The existing taxes to which the Agreement shall apply are:

   (a) in the Socialist Republic of Vietnam:

   (i) the personal income tax;
   (ii) the profit tax;
   (iii) the profit remittance tax;

   (hereinafter referred to as "Vietnamese tax");

   (b) in the People's Republic of China:

   (i) the individual income tax;
   (ii) the income tax for enterprises with foreign investment and foreign enterprises;
   (iii) the local income tax;

   (hereinafter referred to as "Chinese tax").

4. The Agreement shall also apply to any identical or substantially similar taxes which are imposed after the date of signature of this Agreement in addition to, or in place of, the existing taxes. The competent authorities of the Contracting States shall notify each other of important changes which have been made in their respective taxation laws.

ARTICLE 3

General Definitions

1. For the purposes of this Agreement, unless the context otherwise requires:

   (a) the term "Vietnam" means the Socialist Republic of Vietnam; when used in a geographical sense, means all the territory of the Socialist Republic of Vietnam, including its territorial sea, in which the Vietnamese laws relating to taxation apply, and any area beyond its territorial sea, within which the Socialist Republic of Vietnam has sovereign rights of exploration for and exploitation of resources of the sea-bed and its sub-soil and superjacent water resources in accordance with international law;

   (b) the term "China" means the People's Republic of China; when used in a geographical sense, means all the territory of the People's Republic of China, including its territorial sea, in which the Chinese laws relating to taxation apply, and any area beyond its territorial sea, within which the People's Republic of China has sovereign rights of exploration for and exploitation of resources of the sea-bed and its sub-soil and superjacent water resources in accordance with international law;

   (c) the terms "a Contracting State" and "the other Contracting State" mean Vietnam or China as the context requires;

   (d) the term "tax" means Vietnamese tax or Chinese tax, as the context requires;

   (e) the term "person" includes an individual, a company and any other body of persons;

   (f) the term "company" means any body corporate or any entity which is treated as a body corporate for tax purposes;

   (g) the terms "enterprise of a Contracting State" and "enterprise of the other Contracting State" mean respectively an enterprise carried on by a resident of a Contracting State and an enterprise carried on by a resident of the other Contracting State;

(h) the term "nationals" means:

(i) all individuals possessing the nationality of a Contracting State;
(ii) all legal persons, partnerships and associations deriving their status as such from the laws in force in a Contracting State;

(i) the term "international traffic" means any transport by a ship or aircraft operated by a resident of a Contracting State, except when the ship or aircraft is operated solely between places in the other Contracting State;

(j) the term "competent authority" means:

(i) in the case of Vietnam, the Minister of Finance or his authorized representative; and

(ii) in the case of China, the State Administration of Taxation or its authorized representative.

2. As regards the application of the Agreement by a Contracting State, any term not defined therein shall, unless the context otherwise requires, have the meaning which it has under the law of that Contracting State concerning the taxes to which the Agreement applies.

ARTICLE 4

Resident

1. For the purposes of this Agreement, the term "resident of a Contracting State" means any person who, under the laws of that Contracting State, is liable to tax therein by reason of his domicile, residence, place of registration, place of head office or any other criterion of a similar nature.

2. Where by reason of the provisions of paragraph 1 an individual is a resident of both Contracting States, then his status shall be determined as follows:

   (a) He shall be deemed to be a resident of the Contracting State in which he has a permanent home available to him; if he has a permanent home available to him in both Contracting States, he shall be deemed to be a resident of the Contracting State with which his personal and economic relations are closer (centre of vital interests);

   (b) If the Contracting State in which he has his centre of vital interests cannot be determined, or if he has no permanent home available to him in either Contracting State, he shall be deemed to be a resident of the Contracting State in which he has an habitual abode;

   (c) If he has an habitual abode in both Contracting States or in neither of them, he shall be deemed to be a resident of the Contracting State of which he is a national;

   (d) If he is a national of both Contracting States or of neither of them, the competent authorities of the Contracting States shall settle the question by mutual agreement.

3. Where by reason of the provisions of paragraph 1 a person other than an individual is a resident of both Contracting States, then the competent authorities of the Contracting States shall determine that the person is a resident of a Contracting State for the purposes of this Agreement by mutual agreement.

ARTICLE 5

Permanent Establishment

1. For the purposes of this Agreement, the term "permanent establishment" means a fixed place of business through which the business of an enterprise is wholly or partly carried on.

2. The term "permanent establishment" includes especially:

   (a) a place of management;

   (b) a branch;

   (c) an office;

   (d) a factory;

   (e) a workshop;

   (f) a mine, an oil or gas well, a quarry or any other place of extraction of natural resources.

3. The term "permanent establishment" likewise encompasses:

   (a) a building site, a construction, assembly or installation project or supervisory activities in connection therewith, but only where such site, project or activities continue for a period of more than six months;

   (b) the furnishing of services, including consultancy services, by an enterprise of a Contracting State through employees or other engaged personnel in the other Contracting State, provided that such activities continue (for the same project or a connected project) for a period or periods aggregating more than six months within any 12-month period.

4. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, the term "permanent establishment" shall be deemed not to include:

   (a) the use of facilities solely for the purpose of storage, display or delivery of goods or merchandise belonging to the enterprise;

(b) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of storage, display or delivery;

(c) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of processing by another enterprise;

(d) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of purchasing goods or merchandise or of collecting information, for the enterprise;

(e) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of carrying on, for the enterprise, any other activity of a preparatory or auxiliary character.

5. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, where a person - other than an agent of an independent status to whom paragraph 7 applies - is acting in a Contracting State on behalf of an enterprise of the other Contracting State, has and habitually exercises an authority to conclude contracts in the name of the enterprise, that enterprise shall be deemed to have a permanent establishment in the first-mentioned Contracting State in respect of any activities which that person undertakes for the enterprise, unless the activities of such person are limited to those mentioned in paragraph 4 which, if exercised through a fixed place of business, would not make this fixed place of business a permanent establishment under the provisions of that paragraph.

6. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, an insurance enterprise of a Contracting State shall, except in regard to re-insurance, be deemed to have a permanent establishment in the other Contracting State if it collects premiums in the territory of that other Contracting State or insures risks situated therein through a person other than an agent of an independent status to whom paragraph 7 applies.

7. An enterprise of a Contracting State shall not be deemed to have a permanent establishment in the other Contracting State merely because it carries on business in that other Contracting State through a broker, general commission agent or any other agent of an independent status, provided that such persons are acting in the ordinary course of their business. However, when the activities of such an agent are devoted wholly or almost wholly on behalf of that enterprise, he will not be considered an agent of an independent status within the meaning of this paragraph.

8. The fact that a company which is a resident of a Contracting State controls or is controlled by a company which is a resident of the other Contracting State, or which carries on business in that other Contracting State (whether through a permanent establishment or otherwise), shall not of itself constitute either company a permanent establishment of the other.

ARTICLE 6

Income from Immovable Property

1. Income derived by a resident of a Contracting State from immovable property (including income from agriculture or forestry) situated in the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. The term "immovable property" shall have the meaning which it has under the law of the Contracting State in which the property in question is situated. The term shall in any case include property accessory to immovable property, livestock and equipment used in agriculture and forestry, rights to which the provisions of general law respecting landed property apply, usufruct of immovable property and rights to variable or fixed payments as consideration for the working of, or the right to work, mineral deposits, sources and other natural resources; ships, boats and aircraft shall not be regarded as immovable property.

3. The provisions of paragraph 1 shall apply to income derived from the direct use, letting, or use in any other form of immovable property.

4. The provisions of paragraphs 1 and 3 shall also apply to the income from immovable property of an enterprise and to income from immovable property used for the performance of independent personal services.

ARTICLE 7

Business Profits

1. The profits of an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that Contracting State unless the enterprise carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein. If the enterprise carries on business as aforesaid, the profits of the enterprise may be taxed in the other Contracting State, but only so much of them as is attributable to that permanent establishment.

2. Subject to the provisions of paragraph 3, where an enterprise of a Contracting State carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, there shall in each Contracting State be attributed to that permanent establishment the profits which it might be expected to make if it were a distinct and separate enterprise engaged in the same or similar activities under the same or similar conditions and dealing wholly independently with the enterprise of which it is a permanent establishment.

3. In determining the profits of a permanent establishment, there shall be allowed as deductions expenses which are incurred for the purposes of the business of the permanent establishment, including executive and general administrative expenses so incurred, whether in the Contracting State in which the permanent establishment is situated or elsewhere. However, no such deduction shall be allowed in respect of amounts, if any, paid (otherwise than towards reimbursement of actual expenses) by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission, for specific services performed or for management, or, except in the case of a banking enterprise, by way of interest on money lent to the permanent establishment. Likewise, no account shall be taken, in the determination of the profits of a permanent establishment, for amounts charged (otherwise than towards reimbursement of actual expenses) by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission for specific services performed or for management, or, except in the case of banking enterprise by way of interest on money lent to the head office of the enterprise or any of its other offices.

4. Insofar as it has been customary in a Contracting State to determine the profits to be attributed to a permanent establishment on the basis of an apportionment of the total profits of the enterprise to its various parts, nothing in paragraph 2 shall preclude that Contracting State from determining the profits to be taxed by such an apportionment as may be customary. The method of apportionment adopted shall, however, be such that the result shall be in accordance with the principles contained in this Article.

5. No profits shall be attributed to a permanent establishment by reason of the mere purchase by that permanent establishment of goods or merchandise for the enterprise.

6. For the purposes of the preceding paragraphs, the profits to be attributed to the permanent establishment shall be determined by the same method year by year unless there is good and sufficient reason to the contrary.

7. Where profits include items of income which are dealt with separately in other Articles of this Agreement, then the provisions of those Articles shall not be affected by the provisions of this Article.

ARTICLE 8

Shipping and Air Transport

1. Profits derived by a resident of a Contracting State from the operation of ships or aircraft in international traffic shall be taxable only in that Contracting State.

2. The provisions of paragraph 1 shall also apply to profits from the participation in a pool, a joint business or an international operating agency.

ARTICLE 9

Associated Enterprises

1. Where

   (a) an enterprise of a Contracting State participates directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of the other Contracting State, or

   (b) the same persons participate directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of a Contracting State and an enterprise of the other Contracting State,

   and in either case conditions are made or imposed between the two enterprises in their commercial or financial relations which differ from those which would be made between independent enterprises, then any profits which would, but for those conditions, have accrued to one of the enterprises, but, by reason of those conditions, have not so accrued, may be included in the profits of that enterprise and taxed accordingly.

2. Where a Contracting State includes in the profits of an enterprise of that Contracting State - and taxes accordingly - profits on which an enterprise of the other Contracting State has been charged to tax in that other Contracting State and the profits so included are profits which would have accrued to the enterprise of the first-mentioned Contracting State if the conditions made between the two enterprises had been those which would have been made between independent enterprises, then that other Contracting State shall make an appropriate adjustment to the amount of the tax charged therein on those profits. In determining such adjustment, due regard shall be had to the other provisions of the Agreement and the competent authorities of the Contracting States shall, if necessary, consult each other.

ARTICLE 10

Dividends

1. Dividends paid by a company which is a resident of a Contracting State to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. However, such dividends may also be taxed in the Contracting State of which the company paying the dividends is a resident and according to the laws of that Contracting State, but if the recipient is the beneficial owner of the dividends the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the dividends.

   This paragraph shall not affect the taxation of the company in respect of the profits out of which the dividends are paid.

3. The term "dividends" as used in this Article means income from shares, or other rights, not being debt-claims, participating in profits, as well as income from other corporate rights which is subjected to the same taxation treatment as income from shares by the laws of the Contracting State of which the company making the distribution is a resident.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the dividends, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State of which the company paying the dividends is a resident, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Contracting State independent personal services from a fixed base situated therein, and the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

5. Where a company which is a resident of a Contracting State derives profits or income from the other Contracting State, that other Contracting State may not impose any tax on the dividends paid by the company, except insofar as such dividends are paid to a resident of that other Contracting State or insofar as the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with a permanent establishment or a fixed base situated in that other Contracting State, nor subject the company's undistributed profits to a tax on the company's undistributed profits, even if the dividends paid or the undistributed profits consist wholly or partly of profits or income arising in such other Contracting State.

ARTICLE 11

Interest

1. Interest arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. However, such interest may also be taxed in the Contracting State in which it arises and according to the laws of that Contracting State, but if the recipient is the beneficial owner of the interest the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the interest.

3. Notwithstanding the provisions of paragraph 2, interest arising in a Contracting State and paid to the Government of the other Contracting State shall be exempt from tax in the first-mentioned Contracting State.

   For the purposes of this paragraph, the term "Government":

   (a) in the case of Vietnam, means the Government of the Socialist Republic of Vietnam and shall include:

      (i) the state-owned banks of Vietnam;

      (ii) the political subdivisions or the local authority; and

      (iii) such financial institutions, the capital of which is wholly owned by the Government of the Socialist Republic of Vietnam or any political subdivisions or local authorities thereof, as may be agreed upon from time to time between the competent authorities of the Contracting States;

   (b) in the case of China, means the Government of the People's Republic of China and shall include:

      (i) the Chinese state banks;

      (ii) the political subdivisions or the local authority; and

      (iii) such financial institutions, the capital of which is wholly owned by the Government of the People's Republic of China or any political subdivisions or local authorities thereof, as may be agreed upon from time to time between the competent authorities of the Contracting States.

4. The term "interest" as used in this Article means income from debt-claims of every kind, whether or not secured by mortgage and whether or not carrying a right to participate in the debtor's profits, and in particular, income from government securities and income from bonds or debentures, including premiums and prizes attaching to such securities, bonds or debentures. Penalty charges for late payment shall not be regarded as interest for the purpose of this Article.

5. The provisions of paragraphs 1, 2 and 3 shall not apply if the beneficial owner of the interest, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the interest arises, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Contracting State independent personal services from a fixed base situated therein, and the debt-claim in respect of which the interest is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

6. Interest shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is the Government of that Contracting State, a political subdivision, a local authority thereof or a resident of that Contracting State. Where, however, the person paying the interest, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the indebtedness on which the interest is paid was incurred, and such interest is borne by such permanent establishment or fixed base, then such interest shall be deemed to arise in the Contracting State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

7. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the interest, having regard to the debt-claim for which it is paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

ARTICLE 12

Royalties

1. Royalties arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. However, such royalties may also be taxed in the Contracting State in which they arise and according to the laws of that Contracting State, but if the recipient is the beneficial owner of the royalties the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the royalties.

3. The term "royalties" as used in this Article means payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any copyright of literary, artistic or scientific work including cinematograph films or films or tapes used for radio or television broadcasting, any patent, trade mark, design or model, plan, secret formula or process, or for the use of, or the right to use, industrial, commercial or scientific equipment, or for information concerning industrial, commercial or scientific experience.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the royalties, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the royalties arise, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Contracting State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the royalties are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

5. Royalties shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is the Government of that Contracting State, a political subdivision, or a local authority thereof or a resident of that Contracting State. Where, however, the person paying the royalties, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the liability to pay the royalties was incurred, and such royalties are borne by such permanent establishment or fixed base, then such royalties shall be deemed to arise in the Contracting State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

6. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the royalties, having regard to the use, right or information for which they are paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

ARTICLE 13

Capital Gains

1. Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of immovable property referred to in Article 6 and situated in the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. Gains from the alienation of movable property forming part of the business property of a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State or of movable property pertaining to a fixed base available to a resident of a Contracting State in the other Contracting State for the purpose of performing independent personal services, including such gains from the alienation of such a permanent establishment (alone or together with the whole enterprise) or of such fixed base, may be taxed in that other Contracting State.

3. Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of ships or aircraft operated in international traffic or movable property pertaining to the operation of such ships or aircraft shall be taxable only in that Contracting State.

4. Gains from the alienation of shares of the capital stock of a company the property of which consists directly or indirectly principally of immovable property situated in a Contracting State may be taxed in that Contracting State.

5. Gains from the alienation of shares other than those mentioned in paragraph 4 representing a participation of at least 25 per cent in a company which is a resident of a Contracting State may be taxed in that Contracting State.

6. Gains from the alienation of any property other than that referred to in paragraphs 1 to 5, shall be taxable only in the Contracting State of which the alienator is a resident.

ARTICLE 14

Independent Personal Services

1. Income derived by a resident of a Contracting State in respect of professional services or other activities of an independent character shall be taxable only in that Contracting State except in the following circumstances, when such income may also be taxed in the other Contracting State:

   (a) If he has a fixed base regularly available to him in the other Contracting State for the purpose of performing his activities; in that case, only so much of the income as is attributable to that fixed base may be taxed in that other Contracting State; or

   (b) If his stay in the other Contracting State is for a period or periods amounting to or exceeding in the aggregate 183 days in the calendar year concerned; in that case, only so much of the income as is derived from his activities performed in that other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. The term "professional services" includes especially independent scientific, literary, artistic, educational or teaching activities as well as the independent activities of physicians, lawyers, engineers, architects, dentists and accountants.

ARTICLE 15

Dependent Personal Services

1. Subject to the provisions of Articles 16, 18, 19, 20 and 21, salaries, wages and other similar remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment shall be taxable only in that Contracting State unless the employment is exercised in the other Contracting State. If the employment is so exercised, such remuneration as is derived therefrom may be taxed in that other Contracting State.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment exercised in the other Contracting State shall be taxable only in the first-mentioned Contracting State if:

   (a) the recipient is present in the other Contracting State for a period or periods not exceeding in the aggregate 183 days in the calendar year concerned; and

   (b) the remuneration is paid by, or on behalf of, an employer who is not a resident of the other Contracting State; and

   (c) the remuneration is not borne by a permanent establishment or a fixed base which the employer has in the other Contracting State.

3. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, remuneration derived in respect of an employment exercised aboard a ship or aircraft operated in international traffic by a resident of a Contracting State shall be taxable only in that Contracting State.

ARTICLE 16

Directors' Fees

Directors' fees and other similar payments derived by a resident of a Contracting State in his capacity as a member of the board of directors of a company which is a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

ARTICLE 17

Artistes and Athletes

1. Notwithstanding the provisions of Articles 14 and 15, income derived by a resident of a Contracting State as an entertainer, such as a theatre, motion picture, radio or television artiste, or a musician, or as an athlete, from his personal activities as such exercised in the other Contracting State, may be taxed in that other Contracting State.

2. Where income in respect of personal activities exercised by an entertainer or an athlete in his capacity as such accrues not to the entertainer or athlete himself but to another person, that income may, notwithstanding the provisions of Articles 7, 14 and 15, be taxed in the Contracting State in which the activities of the entertainer or athlete are exercised.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, income derived by entertainers or athletes who are residents of a Contracting State from the activities exercised in the other Contracting State under a plan of cultural exchange between the Governments of both Contracting States shall be exempt from tax in that other Contracting State.

ARTICLE 18

Pensions

1. Subject to the provisions of paragraph 2 of Article 19, pensions and other similar remuneration paid to a resident of a Contracting State in consideration of past employment shall be taxable only in that Contracting State.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, pensions paid and other similar payments made by the Government of a Contracting State, a political subdivision or a local authority thereof under a public welfare scheme of the social security system of that Contracting State shall be taxable only in that Contracting State.

ARTICLE 19

Government Service

1. (a) Remuneration, other than a pension, paid by the Government of a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to the Government of that Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof, in the discharge of functions of a governmental nature, shall be taxable only in that Contracting State.

   (b) However, such remuneration shall be taxable only in the other Contracting State if the services are rendered in that other Contracting State and the individual is a resident of that other Contracting State who:

   (i) is a national of that other Contracting State; or

   (ii) did not become a resident of that other Contracting State solely for the purpose of rendering the services.

2. (a) Any pension paid by, or out of funds to which contributions are made by the Government of a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to the Government of that Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof shall be taxable only in that Contracting State.

   (b) However, such pension shall be taxable only in the other Contracting State if the individual is a resident of, and a national of, that other Contracting State.

3. The provisions of Articles 15, 16, 17 and 18 shall apply to remuneration and pensions in respect of services rendered in connection with a business carried on by the Government of a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof.

ARTICLE 20

Students, Apprentices and Trainees

A student, business apprentice or trainee who is or was immediately before visiting a Contracting State a resident of the other Contracting State and who is present in the first-mentioned Contracting State solely for the purpose of his education, training shall be exempt from tax in that first-mentioned Contracting State on the following payments or income received or derived by him for the purpose of his maintenance, education or training:

(a) payments derived from sources outside that Contracting State for the purpose of his maintenance, education, study, research or training;

(b) grants, scholarships or awards supplied by the Government, or a scientific, educational, cultural or other tax-exempt organization; and

(c) any remuneration not exceeding 2,000 US dollars or the equivalent in Vietnamese Dong or the equivalent in Chinese RMB per calendar year in respect of personal services in connection with his studies or training.

ARTICLE 21

Teachers, Professors and Researchers

An individual who is, or immediately before visiting a Contracting State was, a resident of the other Contracting State and is present in the first-mentioned Contracting State for the primary purpose of teaching, giving lectures or conducting research at a university, college, school or educational institution or scientific research institution accredited by the Government of the first-mentioned Contracting State shall be exempt from tax in the first-mentioned Contracting State, for a period of two years from the date of his first arrival in the first-mentioned Contracting State, in respect of remuneration for such teaching, lectures or research.

ARTICLE 22

Other Income

1. Items of income of a resident of a Contracting State, wherever arising, not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement shall be taxable only in that Contracting State.

2. However, any such income derived by a resident of a Contracting State from sources in the other Contracting State may also be taxed in that other Contracting State.

3. The provisions of paragraph 1 shall not apply to income, other than income from immovable property as defined in paragraph 2 of Article 6, if the recipient of such income, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Contracting State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the income is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

ARTICLE 23

Methods for the Elimination of Double Taxation

1. In Vietnam, double taxation shall be eliminated as follows:

   Where a resident of Vietnam derives income, profits or gains which under the law of China and in accordance with this Agreement may be taxed in China, Vietnam shall allow as a credit against its tax on the income, profits or gains an amount equal to the tax paid in China. The amount of credit, however, shall not exceed the amount of the Vietnamese tax on that income, profits or gains computed in accordance with the taxation laws and regulations of Vietnam.

2. In China, double taxation shall be eliminated as follows:

   (a) Where a resident of China derives income from Vietnam the amount of tax on that income payable in Vietnam in accordance with the provisions of this Agreement, may be credited against the Chinese tax imposed on that resident. The amount of the credit, however, shall not exceed the amount of the Chinese tax on that income computed in accordance with the taxation laws and regulations of China;

   (b) Where the income derived from Vietnam is a dividend paid by a company which is a resident of Vietnam to a company which is a resident of China and which owns not less than 10 per cent of the shares of the company paying the dividend, the credit shall take into account the tax paid in Vietnam by the company paying the dividend in respect of its income.

3. For the purposes of paragraphs 1 and 2, the tax payable in Vietnam or in China, as the context requires, shall be deemed to include the tax which is otherwise payable in a Contracting State but has been reduced or waived by that Contracting State under its legal provisions for economic development. In the case of the provisions of paragraph 2 of Article 10, paragraph 2 of Article 11 and paragraph 2 of Article 12, such tax shall be deemed to be 10 per cent of the gross amount of dividends, interest and royalties.

ARTICLE 24

Non-discrimination

1. Nationals of a Contracting State shall not be subjected in the other Contracting State to any taxation or any requirement connected therewith, which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which nationals of that other Contracting State in the same circumstances are or may be subjected.

2. The taxation on a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State shall not be less favourably levied in that other Contracting State than the taxation levied on enterprises of that other Contracting State carrying on the same activities. The provisions of this paragraph shall not be construed as obliging a Contracting State to grant to residents of the other Contracting State any personal allowances, reliefs and reductions for taxation purposes on account of civil status or family responsibilities which it grants to its own residents.

3. Except where the provisions of paragraph 1 of Article 9, paragraph 7 of Article 11, or paragraph 6 of Article 12, apply, interest, royalties and other disbursements paid by an enterprise of a Contracting State to a resident of the other Contracting State shall, for the purpose of determining the taxable profits of such enterprise, be deductible under the same conditions as if they had been paid to a resident of the first-mentioned Contracting State.

4. Enterprises of a Contracting State, the capital of which is wholly or partly owned or controlled, directly or indirectly, by one or more residents of the other Contracting State, shall not be subjected in the first-mentioned Contracting State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which other similar enterprises of the first-mentioned Contracting State are or may be subjected.

5. Notwithstanding the provisions from paragraphs 1 to 4 of this Article, where a Contracting State imposes any taxation on its nationals which is other than the taxation it imposes on nationals of the other Contracting State for the purposes to promote economic development in accordance with its taxation laws, the imposition as such shall not be construed as discrimination under the meaning of this Article.

6. The provisions of this Article shall apply only to the taxes which are the subject of this Agreement.

ARTICLE 25

Mutual Agreement Procedure

1. Where a person considers that the actions of one or both of the Contracting States result or will result for him in taxation not in accordance with the provisions of this Agreement, he may, irrespective of the remedies provided by the domestic law of those Contracting States, present his case to the competent authority of the Contracting State of which he is a resident or, if his case comes under paragraph 1 of Article 24, to that of the Contracting State of which he is a national. The case must be presented within three years from the first notification of the action resulting in taxation not in accordance with the provisions of the Agreement.

2. The competent authority shall endeavour, if the objection appears to it to be justified and if it is not itself able to arrive at a satisfactory solution, to resolve the case by mutual agreement with the competent authority of the other Contracting State, with a view to the avoidance of taxation which is not in accordance with the provisions of this Agreement. Any agreement reached shall be implemented notwithstanding any time limits in the domestic law of the Contracting States.

3. The competent authorities of the Contracting States shall endeavour to resolve by mutual agreement any difficulties or doubts arising as to the interpretation or application of the Agreement. They may also consult together for the elimination of double taxation in cases not provided for in this Agreement.

4. The competent authorities of the Contracting States may communicate with each other directly for the purpose of reaching an agreement in the sense of paragraphs 2 and 3. When it seems advisable for reaching agreement, representatives of the competent authorities of the Contracting States may meet together for an oral exchange of opinions.

ARTICLE 26

Exchange of Information

1. The competent authorities of the Contracting States shall exchange such information as is necessary for carrying out the provisions of this Agreement or of the domestic laws of the Contracting States concerning taxes covered by the Agreement insofar as the taxation thereunder is not contrary to the Agreement, in particular for the prevention of fraud or evasion of such taxes. The exchange of information is not restricted by Article 1. Any information received by a Contracting State shall be treated as secret in the same manner as information obtained under the domestic laws of that Contracting State. However, if the information is originally regarded as secret in transmitting Contracting State it shall be disclosed only to persons or authorities (including courts and administrative bodies) involved in the assessment or collection of, the enforcement or prosecution in respect of, or the determination of appeals in relation to, the taxes which are the subject of the Agreement. Such persons or authorities shall use the information only for such purposes. They may disclose the information in public court proceedings or in judicial decisions.

2. In no case shall the provisions of paragraph 1 be construed so as to impose on a Contracting State the obligation:

   (a) to carry out administrative measures at variance with the laws and administrative practice of that or of the other Contracting State;

   (b) to supply information which is not obtainable under the laws or in the normal course of the administration of that or of the other Contracting State;

   (c) to supply information which would disclose any trade, business, industrial, commercial or professional secret or trade process, or information, the disclosure of which would be contrary to public policy (ordre public).

ARTICLE 27

Diplomatic Agents and Consular Officers

Nothing in this Agreement shall affect the fiscal privileges of diplomatic agents or consular officers under the general rules of international law or under the provisions of special agreements.

ARTICLE 28

Entry into Force

Each of the Contracting States shall notify to the other in writing through the diplomatic channel the completion of the internal procedures required by the law applied in that Contracting State for the bringing into force of this Agreement. This Agreement shall enter into force on the date of the later of these notifications. This Agreement shall have effect as respects income derived during the taxable years beginning on or after the first day of January in the calendar year next following that in which this Agreement enters into force.

ARTICLE 29

Termination

This Agreement shall remain in force until terminated by a Contracting State. Either Contracting State may, on or before the thirtieth day of June in any calendar year beginning after the expiration of a period of five years from the date of its entry into force, give written notice of termination to the other Contracting State through the diplomatic channels. In such event, this Agreement shall cease to have effect as respects income derived during the taxable years beginning on or after the first day of January in the calendar year next following that in which the notice of termination is given.

IN WITNESS WHEREOF the undersigned, being duly authorized thereto by their respective Governments, have signed this Agreement.

DONE in duplicate at *Beijing* this *11* day of *May* of the year one thousand nine hundred and ninety-*five* in the Vietnamese, Chinese and English languages, three texts being equally authentic. In case of divergency of interpretations, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

FOR THE GOVERNMENT OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA

PROTOCOL

At the signing of this Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the People's Republic of China for the Avoidance of Double Taxation and the Prevention of Fiscal Evasion with respect to Taxes on Income (hereinafter referred to as "the Agreement"), both sides have agreed upon the following provisions which form an integral part of the Agreement:

1. In connection with Article 8 of the Agreement, nothing in this Agreement shall affect the application of the provisions of the Agreement on Civil Air Transport and the Agreement on Maritime Transport signed between the two Governments on March 8, 1992 in Beijing.

2. It is understood that, as long as, according to the Vietnamese tax law, Vietnam does not levy a tax on dividend, the existing profits remittance tax applicable in Vietnam shall be deemed to the tax on "dividends" referred to in paragraph 3 of Article 10 of the Agreement.

IN WITNESS WHEREOF the undersigned, being duly authorized thereto by their respective Governments, have signed this Protocol.

DONE in duplicate at *Beijing* this *17*.... day of *May* of the year one thousand nine hundred and ninety-*five*. in the Vietnamese, Chinese and English languages, three texts being equally authentic. In case of divergency of interpretations, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

FOR THE GOVERNMENT OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA

Excellency,

I have the honour to refer to the Agreement between the Government of the People's Republic of China and the Government of the Socialist Republic of Vietnam for the Avoidance of Double Taxation and the Prevention of Fiscal Evasion with respect to Taxes on Income which was signed today (hereinafter referred to as "the Agreement") and to confirm, on behalf of the Government of the People's Republic of China, the following understanding reached between the two Governments:

Both sides agree that the time limits for determining the permanent establishment provided in subparagraph (a) and subparagraph (b) of paragraph 3 of Article 5 of this Agreement shall be promptly amended to a longer period if Vietnam hereafter amends its policy of negotiating the taxation Agreement or Vietnam reaches an agreement on any longer time period for determining permanent establishment in the provisions of the Agreement with any other country.

I have the honour to request Your Excellency to confirm the foregoing understanding on behalf of Your Excellency's Government.

I avail myself of this opportunity to assure Your Excellency of my highest consideration.

Done in duplicate at Beijing.. this 17..... day of ..May.. of the year one thousand nine hundred and ninety-five.. in the Chinese, Vietnamese and English languages, three texts being equally authentic. In case of divergency of interpretations, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF
THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA

钱其琛

Excellency,

I have the honour to acknowledge receipt of Your Excellency's Note of today's date, which reads as follows:

"Excellency,

I have the honour to refer to the Agreement between the Government of the People's Republic of China and the Government of the Socialist Republic of Vietnam for the Avoidance of Double Taxation and the Prevention of Fiscal Evasion with respect to Taxes on Income which was signed today (hereinafter referred to as "the Agreement") and to confirm, on behalf of the Government of the People's Republic of China, the following understanding reached between the two Governments:

Both sides agree that the time limits for determining the permanent establishment provided in subparagraph (a) and subparagraph (b) of paragraph 3 of Article 5 of this Agreement shall be promptly amended to a longer period if Vietnam hereafter amends its policy of negotiating the taxation Agreement or Vietnam reaches an agreement on any longer time period for determining permanent establishment in the provisions of the Agreement with any other country.

I have the honour to request Your Excellency to confirm the foregoing understanding on behalf of Your Excellency's Government.

I avail myself of this opportunity to assure Your Excellency of my highest consideration.

Done in duplicate at Beijing..... this 17..... day of .May.. of the year one thousand nine hundred and ninety-five.. in the Chinese, Vietnamese and English languages, three texts being equally authentic. In case of divergency of interpretations, the English text shall prevail."

I have the honour to confirm the acceptance of the foresaid understanding in Your Excellency's Note on behalf of the Government of the Socialist Republic of Vietnam.

I avail myself of this opportunity to renew to Your Excellency the assurances of my highest consideration.

Done in duplicate at Beijing.. this ..17..... day of ..May.. of the year one thousand nine hundred and ninety-five.. in the Vietnamese, Chinese and English languages, three texts being equally authentic. In case of divergency of interpretations, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

BỘ NGOẠI GIAO

Số : 95 /LPQT

SAO Y BẢN CHÍNH

"Để báo cáo,
Để thực hiện".

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 1996

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
Vụ trưởng Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế



Nguyễn Quý Bính

Nơi gửi:

- VPCP,
- Bộ Kế hoạch - ĐT,
- Bộ Tài chính,
- Bộ Thương mại,
- Bộ Tư pháp,
- Ngân hàng NN,
- Tổng cục Hải quan,
- ĐSQ VN tại Trung Quốc,
- Vụ Trung Quốc,
- Vụ LPQT,
- LT (11b)

(Hiệp định này có hiệu lực ngày 18 tháng 10 năm 1996)